

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2025/DSST**

Ngày: 24-9-2025

“Tranh chấp chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiếu**

Ông **Hồ Văn Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2025/TLST-DS ngày 19/05/2025 về việc *“Tranh chấp chia thừa kế”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị Lệ T**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T ủy quyền cho ông Lê Bá Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2024)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Đỗ H**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đỗ Quỳnh C**, sinh năm 1997

2. Bà **Đỗ Quỳnh G**, sinh năm 2006

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai

(bà C, bà G ủy quyền cho ông Lê Bá Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2025)

3. Ông **Đỗ K**, sinh năm 1941

Địa chỉ: A, NE 10th ST V, WA 98684, USA.

(Ông Đ, ông H có mặt, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Bá Đ trình bày:***

Bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Đỗ H1 quen biết nhau và cùng tự tìm hiểu rồi đi đến chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, sau đó đi đăng ký kết hôn chính thức vào ngày 03/3/2006 tại UBND xã X (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). Trong quá trình chung sống thì bà T và ông H1 có tất cả ba người con chung: ông Đỗ H, sinh năm 1993, bà Đỗ Quỳnh C, sinh năm 1997 và bà Đỗ Quỳnh G, sinh năm 2006.

Trong thời kỳ chung sống vào năm 2004, ba của ông Đỗ H1 là ông Đỗ K có tặng cho vợ chồng bà T và ông H1 một diện tích đất hơn 3000 m² tại xã X nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến ngày 20/4/2005 thì gia đình bà T và ông H1 đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 1085, tờ bản đồ: 09, diện tích: 406 m² và thửa đất số: 1086, tờ bản đồ: 09, diện tích: 3622 m² tại xã X cho hộ ông Đỗ H1. Ông Đỗ H1 đã mất vào ngày 24/7/2022 do bị bệnh nhưng không có để lại di chúc định đoạt tài sản. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ H1 gồm có những thành viên như sau:

1. Ông Đỗ K (cha ruột).
2. Bà Huỳnh Thị Lệ T (vợ).
3. Ông Đỗ H (con).
4. Bà Đỗ Quỳnh C sinh năm: 1997 (con).
5. Bà Đỗ Quỳnh G sinh năm: 2006 (con).

Hiện ông Đỗ K là cha ruột ông Đỗ H1 đang sinh sống tại số 16806 NE 10th S, WA I H. Mẹ ông Đỗ H1 là bà Nguyễn Thị Q đã chết vào ngày 12/9/2017.

Do tài sản trên là của cả hộ gia đình nhưng ông Đỗ H là người nắm giữ và quản lý sử dụng, không phân chia cho các thành viên trong hộ gia đình. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho bà được hưởng thửa đất số: 1085, tờ bản đồ số 09, diện tích: 406 m² tại xã X (Nay là xã X) có giá trị là 300.000.000 đồng. Đối với chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đ (năm triệu đồng) bà tự nguyện chịu, không yêu cầu gì khác.

**** Trong quá trình làm việc, tại bản tự khai và tại phiên tòa ông Đỗ H trình bày:***
Ông là con ruột của bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Đỗ H1 (đã chết năm 2022). Cha

mẹ ông có ba người con chung là ông, em gái Đỗ Quỳnh C, sinh năm 1997 và Đỗ Quỳnh G, sinh năm 2006. Ngoài ra, cha mẹ ông không có người con riêng nào khác.

Các thửa đất số 1085, tờ bản đồ: 09, diện tích: 406 m² và thửa đất số 1086, tờ bản đồ: 09, diện tích: 3622 m² tại xã X là do ông nội của oanh tặng cho, đứng tên trên Giấy chứng nhận là hộ ông Đỗ H1. Cha ông chết không để lại di chúc, hiện nay các tài sản trên là do ông quản lý và sử dụng.

Nay mẹ ông yêu cầu được chia thửa đất số 1085, tờ bản đồ 09, diện tích 406 m² xã X (nay là xã X), giao cho ông thửa đất số 1086, tờ bản đồ 09, diện tích 3622 m² tại xã X (nay là xã X) thì ông đồng ý, không có ý kiến gì.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ K trình bày:*

Ông là cha ruột của ông Đỗ H1, bà Huỳnh Thị Lệ T là con dâu, còn ông Đỗ H, Đỗ Quỳnh C và Đỗ Quỳnh G là cháu nội ông. Vợ của ông là

bà Nguyễn Thị Q đã chết vào ngày 12/9/2017. Các thửa đất 1085, 1086 tờ bản đồ số 09 xã X nguyên thủy là của ông, sau đó ông tặng cho lại gia đình con trai ông và đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là hộ ông Đỗ H1.

Con trai ông là Đỗ H1 chết vào năm 2022, không để lại di chúc để định đoạt khối tài sản trên. Nay ông là hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 theo pháp luật, ông có ý kiến như sau: Đối với phần thừa kế được hưởng ông xin từ chối nhận, để lại cho con dâu và 03 cháu nội của ông. Do hiện nay ông đang định cư ở Mỹ nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Quỳnh C, Đỗ Quỳnh G (do ông Lê Bá Đ đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Bà C, bà G là con ruột ông Đỗ H1 và bà Huỳnh Thị Lệ T, thống nhất với lời trình bày của bà T, ông H về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của ông Đỗ H1 để lại. Đối với phần thừa kế được chia, hai bà từ chối nhận, không có ý kiến gì khác, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Huỳnh Thị Lệ T yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà để lại theo pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, theo quy định tại Điều 649 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đất tranh chấp tọa lạc tại ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị Lệ T khởi kiện ông Đỗ H, do đó bà T là nguyên đơn, ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Quỳnh C, Đỗ Quỳnh G, ông Đỗ K nên xác định những người này là người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Lệ T, bà Đỗ Quỳnh C, bà Đỗ Quỳnh G giấy ủy quyền cho ông Lê Bá Đ làm người đại diện theo pháp luật, giấy ủy quyền phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Đỗ H1 có quan hệ hôn nhân là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2006 tại UBND xã X (nay là xã X).

Về huyết thống: Xác định bà T, ông H1 có 03 người con gồm: ông Đỗ H, bà Đỗ Quỳnh C, bà Đỗ Quỳnh G. Ngoài ra, ông bà không có người con riêng nào khác.

Năm 2022 ông H1 chết, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ H1 gồm: Ông Đỗ K (cha ruột), bà Huỳnh Thị Lệ T (vợ) các con là Đỗ H, Đỗ Quỳnh C, và Đỗ Quỳnh G. Còn mẹ của ông H1 là bà Nguyễn Thị Q đã chết vào ngày 12/9/2017

Về di sản thừa kế: các đương sự đều thống nhất thừa đất số 1085, tờ bản đồ: 09, diện tích: 406 m² và thừa đất số: 1086, tờ bản đồ: 09, diện tích: 3622 m² tại xã X là di sản thừa kế của ông H1.

Bà T yêu cầu được chia thừa kế là thừa đất số 1085, tờ bản đồ 09, diện tích 406 m² xã X (Nay là xã X) có giá trị là 300.000.000 đ (*ba trăm triệu đồng*), giao cho ông H là thừa đất số 1086, tờ bản đồ 09, diện tích: 3622 m² tại xã X (Nay là xã X) có giá 1.200.000.000 đ (*một tỷ hai trăm triệu đồng*). Bà T không yêu cầu ông H thanh toán lại phần chênh lệch, ông H cũng đồng ý với yêu cầu của bà T nên ghi nhận.

Bà G, bà C từ chối nhận di sản thừa kế của ông H1, không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận, thống nhất với yêu cầu của bà T, ông H.

Ông K từ chối nhận di sản thừa kế của ông H1 nên ghi nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Lệ T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, không yêu cầu ông H hoàn lại nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ T phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ H phải nộp 48.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 26, 35, 39, 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 213, 218, 219, 221, 609, 611, 612, 613, 614, 620, 650, 652, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ T Xác định thừa đất số 1085, tờ bản đồ 09, diện tích 406 m² và thừa đất số 1086, tờ bản đồ 09, diện tích 3622 m² tại xã X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai là di sản thừa kế của ông Đỗ H1. Đất có giá trị 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Chia cho bà Huỳnh Thị Lệ T được quyền sử dụng thừa đất số 1085, tờ bản đồ 09, diện tích 406 m² xã X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 620495 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 20/4/2005 cho hộ ông Đỗ H1.

Chia cho ông Đỗ H là thửa đất số 1086, tờ bản đồ 09, diện tích 3622 m² tại xã X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 620494 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 20/4/2005 cho hộ ông Đỗ H1.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và chịu chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ T phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010992 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đồng Nai) được khấu trừ thành tiền án phí, bà T phải nộp thêm số tiền là 11.250.000đ (*mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*)

Ông Đỗ H phải nộp 48.000.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (bà T đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật thi hành án dân sự](#) người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đồng Nai
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ

